

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46/2020/DS-ST
Ngày: 27/8/2020
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
góp hui*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tới

2. Ông Nguyễn Thành Lễ

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Văn Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Dương Thị Tiểu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2020/TLST - DS ngày 21 tháng 02 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2020/QĐST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Kim Đ, sinh năm: 1956; Địa chỉ: 6/36 ấp T, xã B, thành phố TN, tỉnh N. Có đơn xin vắng mặt

2. Anh Phan Hoàng L, sinh năm: 1979 và chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1982; Địa chỉ: số 710 Đường T, khu phố N, phường S, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Bà H ủy quyền cho ông L. Ông L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Kim Đ trình bày:*

Bà tham gia chơi hui do anh L, chị H là chủ, cụ thể như sau:

+ Về hui sống:

- Hui 2.000.000 đồng mở ngày 20/8/2018 âm lịch, có 28 phần, dự kiến mãn hui ngày 20/11/2020 âm lịch, số tiền kêu cố định là 800.000 đồng/tháng, bà tham

gia 01 phần, đã đóng 17 lần, tiền thực đóng là 20.400.000 đồng.

- Hụi 1.000.000đồng khui ngày 20/8/2018âm lịch, có 30 phần, dự kiến mãn hụi ngày 29/01/2021âm lịch số tiền kêu cố định là 400.000 đồng/tháng, bà tham gia 03 phần, đã đóng 17 lần, tiền thực đóng là 30.600.000 đồng.

- Hụi 1.000.000đồng khui ngày 09/9/2018 âm lịch, có 26 phần, dự kiến mãn hụi ngày 09/10/2020 âm lịch số tiền kêu cố định là 400.000 đồng/tháng, bà tham gia 01 phần, đã đóng 16 lần, tiền thực đóng là 9.600.000 đồng.

- Hụi 3.000.000 khui ngày 25/12/2018AL, có 30 phần, dự kiến mãn hụi ngày 25/5/2021AL số tiền kêu cố định là 1.000.000 đồng/tháng, bà tham gia 02 phần, đã đóng 13 lần, tiền thực đóng 52.000.000 đồng.

- Hụi 1.000.000đồng khui ngày 04/02/2018 âm lịch, có 28 phần, dự kiến mãn hụi ngày 04/5/2021 âm lịch số tiền kêu cố định là 400.000 đồng/tháng, bà tham gia 02 phần, đã đóng 24 lần, tiền thực đóng là 28.800.000 đồng.

- Hụi 1.000.000đồng khui ngày 10/5/2018 có âm lịch, có 30 phần, dự kiến mãn hụi ngày 10/10/2021 âm lịch số tiền kêu cố định là 4.00.000 đồng/tháng, bà tham gia 01 phần, đã đóng 16 lần, tiền thực đóng là 9.600.000 đồng.

- Hụi 2.000.000đồng khui ngày 10/5/2018 âm lịch, có 28 phần, dự kiến mãn hụi ngày 18/10/2021 âm lịch số tiền kêu cố định là 800.000 đồng/tháng, bà tham gia 01 phần, đã đóng 16 lần, tiền thực đóng là 19.200.000 đồng.

- Hụi 2.000.000đồng khui ngày 10/8/2018 âm lịch, có 32 phần, dự kiến mãn hụi ngày 10/3/2022 âm lịch số tiền kêu cố định là 800.000 đồng/tháng, bà tham gia 01 phần, đã đóng được 12 lần, tiền thực đóng là 14.400.000 đồng.

- Hụi 1.000.000đồng khui ngày 10/8/2018 âm lịch, có 32 phần dự kiến mãn hụi ngày 10/3/2022 âm lịch số tiền kêu cố định là 400.000 đồng/tháng, bà tham gia 01phần, đã đóng 12 lần, tiền thực đóng là 7.200.000 đồng.

- Hụi tuần 200.00 đồng khui ngày 20/12/2019 âm lịch, có 54 phần, số tiền kêu cố định là 80.000 đồng/tháng, bà tham gia 05 phần, đã đóng 03 lần, tiền thực đóng là 1.800.000 đồng.

- Hụi nửa tháng 500.00 đồng khui ngày 27/12/2019 âm lịch, số tiền kêu cố định là 180.000 đồng/tháng, bà tham gia 01 phần, đã đóng 02 lần, tiền thực đóng là 640.000 đồng.

- 01 phần hụi mua 1.000.000đồng khui ngày 04/02/2018 âm lịch, có 28 phần, dự kiến mãn hụi ngày 04/5/2021 âm lịch số tiền kêu cố định là 400.000 đồng/tháng, tiền thực giao là 17.900.000 đồng, đã đóng được 28 lần.

Tổng cộng tiền hụi sống bà Đ đã đóng cho chị H, anh L là 212.140.000 đồng, tính lãi thành hụi chết là 336.500.000 đồng.

- + Về hụi bà Đ đã hốt còn nợ chưa đóng tiền hụi chết cho chị H, anh L:
 - Hụi 2.000.000đồng khui ngày 20/8/2018 âm lịch, còn nợ 11 lần là 22.000.000 đồng.
 - Hụi 1.000.000đồng khui ngày 20/8/2018 âm lịch, còn nợ 15 lần là 15.000.000 đồng.
 - Hụi 1.000.000đồng khui ngày 09/9/2018 âm lịch, còn nợ 10 lần là 10.000.000 đồng.
 - Hụi 1.000.000đồng khui ngày 10/5/2018 âm lịch, còn nợ 22 lần là 22.000.000 đồng.

Tổng cộng bà Đ nợ tiền hụi chết của chị H, anh L là 69.000.000 đồng.

Do anh L và chị H tuyên bố bẽ hụi vào ngày 12/01/2020 nên bà yêu cầu anh L, chị H trả tiền hụi sống còn nợ cho bà là 267.500.000 đồng và lãi tính từ ngày 12/01/2020 âm lịch.

Bị đơn anh Phan Hoàng L trình bày:

Anh thừa nhận bà Đ có tham gia chơi hụi do vợ chồng anh làm chủ thảo như bà Đ trình bày. Thực tế các dây hụi còn sống bà Đ đã đóng cho vợ chồng anh tính đến ngày bẽ hụi là 212.140.000 đồng, bà Đ còn nợ tiền hụi chết phải đóng cho vợ chồng anh là 69.000.000 đồng, cản trở nghĩa vụ của hai bên, anh còn nợ tiền hụi của bà Đ là 143.140.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Thu H đã ủy quyền cho anh L, không có ý kiến gì trình bày thêm.

Tại phiên hòa giải ngày 13/5/2020, bà Đ và anh L đã thống nhất bà Đ cản trừ tiền hụi chết của anh L, chị H vào số tiền hụi sống anh L, chị H còn nợ bà. Bà yêu cầu anh L, chị H trả cho bà 143.140.000 đồng và 20.000.000 đồng tiền lãi nhưng anh L không đồng ý, chỉ đồng ý trả 143.140.000 đồng nên hòa giải không thành.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; Thư ký thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa theo quy định của pháp luật.

- Đề xuất hướng giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ, buộc anh L, chị H có nghĩa

vụ trả cho bà Đ số tiền hội sống còn nợ là 212.140.000 và tiền lãi phát sinh từ ngày 12/01/2020 tới ngày xét xử. Về số tiền hội chết bà Đ có nghĩa vụ phải đóng cho anh L, chị H do anh L, chị H không có yêu cầu phản tố nên không xem xét giải quyết. Án phí anh L và chị H phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Đỗ Kim Đ khởi kiện yêu cầu anh Phan Hoàng L và chị Nguyễn Thị Thu H trả tiền nợ hội nên quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng góp hội” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị H, anh L đều cư trú tại thành phố Tây Ninh nên Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Đỗ Kim Đ có đơn xin vắng mặt, Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ.

Bị đơn anh Phan Hoàng L, chị Nguyễn Thị Thu H được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L, chị H.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về tiền nợ hội: Tại Biên bản làm việc và Biên bản hòa giải ngày 13/5/2020 bà Đ và anh L đã thống nhất được các dây hội bà Đ tham gia, số tiền bà Đ đã đóng, các dây hội bà Đ đã hót. Hai bên thống nhất được tính đến ngày bế hội là ngày 12/01/2020 âm lịch, anh L, chị H còn nợ bà Đ 212.140.000 đồng tiền hội sống nên có căn cứ xác định hiện nay anh L, chị H còn nợ bà Đ tiền hội sống là 212.140.000 đồng và buộc anh L, chị H phải trả cho bà Đ số tiền này.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi của bà Đ thấy rằng:

[2.2.1] Tiền lãi hội: Theo biên bản làm việc ngày 25/8/2020, bà Đ không yêu cầu tính lãi hội kể từ ngày tham gia cho đến ngày bế hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2.2] Về lãi chậm trả: Bà Đ yêu cầu chị H, anh L tính lãi chậm trả theo quy định pháp luật. Thời gian tính lãi chậm trả kể từ ngày bế hội cho tới ngày xét xử. Hai bên thông nhất ngày bế hội là ngày 12/01/2020 âm lịch tức ngày 05/02/2020. Sau khi bị bế hội, anh L, chị H không tiến hành trả lại tiền hội đã nhận cho bà Đ nên đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hội theo quy định tại Điều 23 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ phải chịu tiền lãi chậm trả theo mức quy định tại khoản 1 Điều 22 của nghị định từ ngày bế hội tới ngày xét xử. Do

hai bên không thỏa thuận lãi suất chậm trả nên mức lãi suất chậm trả bằng $10\%/năm \times 212.140.000 \text{ đồng} \times 06 \text{ tháng} = 11.903.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, anh L, chị H phải trả cho bà Đ tiền nợ hui gốc 212.140.000 đồng, lãi chậm trả là 11.903.000 đồng, tổng cộng là 224.043.000 đồng.

[3] Đối với số tiền hui chết bà Đ có nghĩa vụ phải đóng cho anh L, chị H 69.000.000 đồng do anh L, chị H không có phần tố yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh L, chị H được quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của bà Đ được Tòa án chấp nhận nên anh L, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần yêu cầu khởi kiện của bà Đ được chấp nhận và bà Đ phải chịu án phí phần rút yêu cầu khởi kiện theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các 471 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Kim Đ đối với anh Phan Hoàng L và chị Nguyễn Thị Thu H về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui”.

Buộc anh Phan Hoàng L và chị Nguyễn Thị Thu H phải trả cho bà Đỗ Kim Đ tiền nợ hui là 212.140.000 đồng, tiền lãi là 11.903.000 đồng, tổng cộng là 224.043.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm dân sự:

- Anh Phan Hoàng L và chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 11.202.000 đồng.
- Bà Đỗ Kim Đ được miễn tiền án phí.

3. Đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày bản án được tổng

đạt, niêm yết hợp lệ đối với đương sự vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Tây Ninh;
- VKSNDTP. Tây Ninh;
- CCTHADSTP. Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thanh Hoa